

Số: *M* /2010/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày *19* tháng *4* năm *2010*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND

ngày 11/01/2008 của UBND tỉnh quy định đối tượng trợ cấp thường xuyên
đột xuất và mức trợ giúp thường xuyên cho các đối tượng
Số.....*358*.....
20 tháng *4* năm *2010*
bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/02/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 50/SLĐT BXH ngày 06/4/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 của UBND tỉnh quy định đối tượng trợ cấp thường xuyên, trợ cấp đột xuất và mức trợ giúp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, như sau:

1. Khoản 4 Điều 1 được sửa đổi như sau:

“4. Người tàn tật nặng không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ.”

2. Khoản 5 Điều 1 được sửa đổi như sau:

“5. Người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm.”

3. Khoản 8 Điều 1 được sửa đổi như sau:

“8. Hộ gia đình có từ 02 người trở lên là người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 03/QĐ-UBND được sửa đổi theo khoản 1 Điều 1 Quyết định này, người tâm thần theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 03/QĐ-UBND được sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Quyết định này.”

4. Khoản 1 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“1. Mức trợ giúp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội do xã, phường quản lý áp dụng theo mức tối thiểu (hệ số 1) là 180.000 đồng/người/tháng (Mức hưởng trợ cấp cho từng nhóm đối tượng cụ thể có Phụ lục kèm theo)”.

5. Khoản 3 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“3. Thời gian thực hiện:

- Đối tượng đang hưởng trợ cấp thường xuyên theo Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND thì chuyển sang hưởng chính sách trợ cấp thường xuyên quy định tại Quyết định này kể từ ngày 01/01/2010.

- Đối tượng mới thuộc diện hưởng chính sách trợ cấp thường xuyên thì được hưởng từ ngày ghi trong Quyết định của Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố”


6. Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi như sau:

“2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp Sở Lao động -Thương binh và Xã hội lập dự toán và bố trí kinh phí trợ giúp xã hội, kinh phí tuyên truyền, phổ biến chính sách, khảo sát, thống kê, ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý đối tượng, kinh phí hoạt động chi trả trợ cấp xã hội cho các cấp ngân sách huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn theo phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước hiện hành, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; kiểm tra việc phân bổ và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội”.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, thủ trưởng các Ban, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Lưu VT, TM, TH, VX.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

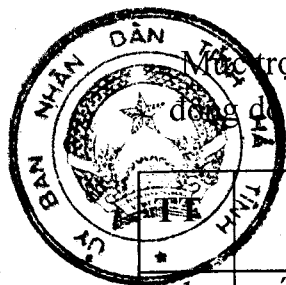


CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiện

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 11 /2010/QĐ-UBND ngày 19/4/ 2010 của UBND tỉnh)



Mức trợ cấp xã hội hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng xã, phường, thị trấn quản lý:

Đơn vị tính: nghìn đồng

	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
1	Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND:		
	Từ 18 tháng tuổi trở lên;	1,0	180
	Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	1,5	270
	Dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật nặng; bị nhiễm HIV/AIDS.	2,0	360
2	Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND:		
	Dưới 85 tuổi;	1,0	180
	Dưới 85 tuổi bị tàn tật nặng;	1,5	270
	Từ 85 tuổi trở lên;	1,5	270
	Từ 85 tuổi trở lên bị tàn tật nặng	2,0	360
3	Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND	1,0	180
4	Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND, được sửa đổi theo khoản 1 Điều 1 Quyết định này:		
	Không có khả năng lao động;	1,0	180
	Không có khả năng tự phục vụ.	2,0	360
5	Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND, được sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Quyết định này	1,5	270
6	Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số: 03/2008/QĐ-UBND	1,5	270
7	Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 1 Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND (mức trợ cấp tính theo số trẻ nhận nuôi dưỡng):		
	Nhận nuôi dưỡng trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên;	2,0	360
	Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi; trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	2,5	450
	Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.	3,0	540

8	Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND, được sửa đổi theo khoản 3 Điều 1 Quyết định này:		
	Có 2 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần;	2,0	360
	Có 3 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần;	3,0	540
	Có từ 4 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần trở lên.	4,0	720
9	Đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số: 03/2008/QĐ-UBND:		
	Đang nuôi con từ 18 tháng tuổi trở lên;	1,0	180
	Đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	1,5	270
	Đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.	2,0	360

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH